

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**

Ngày 21 - 01 - 2021

V/v Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn H, sinh năm 1970.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị N, sinh năm 1976.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông T, ông H, bà N có mặt. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Hui do bà Trần Thúy H (vợ ông Ngô Thanh T) đứng ra kêu gọi các thành viên khác tham gia. Vào ngày 20/8/2017 âm lịch hui mở gồm có 11 thành viên, hui không có chủ hui, hui hùn vốn xoay vòng, hui 06 tháng khai 01 lần, loại hui 04 chỉ

vàng 24k. Sau khi mở hội được ½ thời gian thì có 02 thành viên không tham gia (Vũ Văn V, Vũ Thị T), các thành viên còn lại gồm có Ngô Thanh T và Trần Thúy H, Võ Văn Đ, Đoàn Văn H, Phạm Thị T, Vũ Văn H, Vũ Khắc H, Trần Thị N và Phạm Văn T. Hình thức chơi hội là đến kỳ bốc thăm người nào bốc trúng thăm hốt thì 06 tháng sau được hốt hội (nhận vàng), các thành viên có nghĩa vụ giao 05 chỉ vàng 24k cho người hốt (đối với người hốt rồi), có nghĩa vụ giao 04 chỉ vàng 24k cho người hốt (đối với người chưa hốt). Hội khai đến kỳ thứ 4 thì ông Vũ Văn H bốc trúng thăm được hốt, vợ chồng ông T đã giao đủ số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà Trần Thúy H là cháu ruột của ông Vũ Văn H nhận thay và bà H nói đã giao lại đủ 04 chỉ vàng 24k lại cho ông H rồi và ông H có ký vào sổ hội nhận đủ 11 chân hội. Theo quy định người nào được hốt hội thì các thành viên khác giao vàng cho người được hốt hội và bà Trần Thúy H có trách nhiệm đưa sổ hội cho người được hốt hội ghi nội dung đã nhận đủ vàng và có ký tên. Vợ chồng ông T bốc trúng thăm được hốt ở kỳ thứ 7 ngày 20/8/2020 âm lịch được hốt hội, nhưng ông H không giao vàng cho vợ chồng ông T, các thành viên khác đã giao đủ vàng hội, nhưng riêng ông Vũ Văn H là chưa giao (lý do ông H cho rằng chưa nhận vàng). Số vàng 04 chỉ vàng 24k đóng hội là tài sản chung của vợ chồng ông T (vợ ông T tên Trần Thị N).

Vợ ông T là Trần Thị N là người giao số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà Trần Thị H (mục đích và lý do là bà N bị tai nạn nằm viện, nên đưa số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà H để chung hội cho ông H). Bà N giao vàng cho bà H vào ngày 24/02/2019 âm lịch, khi đưa vàng cho bà H thì không có làm biên nhận. Ông T xác định số vàng 04 chỉ vàng 24k là bà H đã giao cho ông H nhận rồi (lý do là bà H trình bày với bà N và có đưa biên nhận ghi trong sổ gốc của bà H giữ có chữ ký của ông H đã nhận đủ 11 chung hội vàng).

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông H trả 04 chỉ vàng 24k.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ông H thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian khai hội, loại hội, hình thức chơi hội, cũng như các thành viên tham gia chơi hội. Ông H bốc trúng thăm hốt kỳ thứ 4 và đã được các thành viên khác giao vàng, riêng vợ chồng ông T và bà H là chưa giao cho ông H (ông H giải trình việc này: Khi được hốt hội thì vợ ông T gặp tai nạn nên có yêu cầu ông H khát vàng lại đến khi nào về thì đưa, nhưng sau đó hơn 01 tháng vẫn không đưa, thời gian sau bà N là vợ ông T xuống nhà ông H hỏi bà H có đưa vàng cho ông H chưa, ông H xác định là chưa, sau đó bà N kêu bà H xuống nhà ông H giáp mặt, khi giáp mặt thì bà H nói có nhận vàng của ông T, nhưng chưa giao cho ông H, nên bà H nói nếu có vàng đưa cho ông H thì ông H có trách nhiệm trả vàng cho ông T, còn không thì bà H có trách nhiệm với ông T và bà N (việc này không có làm giấy tờ gì chỉ có gia đình ông H, bà N, bà H, ông Công Anh biết). Việc ông H có ký vào sổ hội đã nhận đủ số hội là người nào được hốt thì vào ngày 20 phải ký vào sổ hội của bà H đưa, còn việc giao vàng có sổ ký nhận riêng của mỗi người. Ông H xác định khi ông H được hốt hội thì chưa có nhận vàng từ vợ chồng ông T, nên không có nghĩa vụ trả vàng khi vợ chồng ông T được hốt hội.

Ông H xác định ngày 25/02/2019 âm lịch thì ông H có nhận số vàng 04 chỉ

vàng 24k bà H đưa, nhưng bà H không có nói là vàng của ai, sau khi nhận xong bà Tuyết điện cho ông H hỏi bà H có đưa vàng chưa, ông H nói rồi nên xác định đó là vàng của bà Vũ Thị T đưa. Ông H xác định số vàng bà H đưa là vàng của bà Tuyết gửi chung hụi cho ông H. Ông H xác định ngày 20/02/2019 âm lịch có ký vào sổ hụi bà H giữ có nội dung “Tôi Vũ Văn H có nhận số vàng chân hụi chung đã đủ 11 chân hụi mùa số 4”, nhưng thực tế ông H chưa nhận đủ số vàng từ các hụi viên (trong đó có vợ chồng ông T).

Nay không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Bà N thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông T. Bà N xác định số vàng hụi là tài sản chung của vợ chồng bà N và ông T, nay bà N thống nhất giao toàn bộ quyền khởi kiện cho ông T chồng bà N khởi kiện, yêu cầu nghĩa vụ Tòa án buộc trả là cho cá nhân ông T chồng bà N, không có bổ sung ý kiến gì thêm.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H có tại hồ sơ, thể hiện:

Bà H họ tên là Trần Thị H còn có tên gọi khác là Trần Thúy H. Bà H có kêu gọi anh chị em cùng ấp tham gia dây hụi mở ngày 20/8/2017 âm lịch hụi mở gồm có 11 thành viên, hụi không có chủ hụi, mục đích hụi hùn vốn xoay vòng hỗ trợ nhau làm ăn, hụi 06 tháng khai 01 lần, loại hụi 04 chỉ vàng 24k. Hụi do bà H kêu gọi nên bà H được ưu tiên là người hốt đầu, quy tắc trong hụi là ai được hốt hụi và sau khi nhận đủ vàng hụi từ các hụi viên thì sẽ ký tên vào sổ hụi do bà H giữ, nội dung là ký có nhận đủ số vàng từ các hụi viên khác giao. Việc chung hụi với nhau không có thông qua bà H mà tự các hụi viên thực hiện với nhau. Ngày ký vào sổ hụi là ngày hốt hụi (vì thời điểm này người được hốt có quyền thỏa thuận cho các hụi viên khác nợ lại). Ngày 20/02/2019 âm lịch ông H là người được hốt hụi và có ký vào sổ hụi do bà H giữ. Ngày 24/02/2019 âm lịch bà N đưa cho bà H 04 chỉ vàng 24k để gửi chung hụi cho ông H, đến ngày 25/02/2019 âm lịch bà H đến nhà ông H để giao lại 04 chỉ vàng 24k cho ông H trực tiếp nhận (khi giao vàng cho ông H nhận thì không có nói nội dung gì mà chỉ đưa, khi đưa vàng không có làm biên nhận gì và có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, việc giao nhận vàng chỉ bà H với vợ chồng ông H biết).

Bà H xác định lý do ông H không thừa nhận có nhận 04 chỉ vàng 24k là do bà H có nợ ông H 09 chỉ vàng 24k trong dây hụi này, nên ông H muốn bà H trả cho vợ chồng bà N, nhưng vợ chồng bà N không chịu, nên tranh chấp. Nay bà H có ý kiến nghĩa vụ của bà H thì bà H có trách nhiệm trả cho ông H, còn nghĩa vụ của ông H thì ông H phải trả cho ông T. Bà H xác định thêm là khi ông H hốt hụi thì bà H nhận dùm vàng của 03 người để đóng cho ông H, bà H nhận của vợ chồng ông T ngày 24/02/2019 âm lịch, đưa cho ông H vào ngày 25; bà Vũ Thị T đưa vàng cho bà H 04 chỉ vàng 24k trước ngày 20/02/2019 âm lịch, sau đó đến ngày 20/02/2019 âm lịch ông H hốt hụi, bà H cũng được hốt hụi ở dây hụi khác, nên nghĩa vụ của vợ chồng H phải đóng cho bà H 05 chỉ vàng 24k, nhưng bà H không nhận mà trừ qua hụi bà Tuyết 04 chỉ vàng 24k, còn lại 01 chỉ bà Trần Thị H vợ ông H nhận nợ bà H; sau ngày 20/02/2019 âm lịch không nhớ chính xác có nhận của ông Vũ Văn Vinh 04 chỉ vàng

24k để chung hụi cho ông H, sau đó bà H có đưa cho bà Trần Thị H nhận vào thời gian nào không nhớ.

Bà H xác định số vàng 04 chỉ vàng 24k bà H đưa cho ông H nhận ngày 25/02/2019 âm lịch là vàng của vợ chồng ông T gửi đóng hụi cho ông H.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 04 chỉ vàng 24k.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng hụi đã giao kết, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số vàng hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hụi*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Qua lời trình bày của các đương sự thì xác định được vào ngày 20/8/2017 âm lịch bà H có kêu gọi mở 01 dây hụi gồm có 11 thành viên, hụi không có chủ hụi, hụi hùn vốn xoay vòng, hụi 06 tháng khui 01 lần, loại hụi 04 chỉ vàng 24k, hình thức chơi hụi là đến kỳ bỏ thăm người nào bốc trúng thăm hốt thì 06 tháng sau được hốt hụi (nhận vàng), các thành viên có nghĩa vụ giao 05 chỉ vàng 24k cho người hốt (đối với người hốt rồi), có nghĩa vụ giao 04 chỉ vàng 24k cho người hốt (đối với người chưa hốt). Hụi khui đến kỳ thứ 4 thì ông Vũ Văn H bốc trúng thăm được hốt, vợ chồng ông T xác định đã giao đủ số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà Trần Thúy H là cháu ruột của ông Vũ Văn H nhận thay và bà H nói đã giao lại đủ 04 chỉ vàng 24k lại cho ông H rồi và ông H có ký vào sổ hụi nhận đủ 11

chân hui, nhưng ông H không thừa nhận vấn đề này mà xác định số vàng 04 chỉ vàng 24k bà H đưa là vàng của bà Tuyết. Đến kỳ thứ 7 vợ chồng ông T bốc trúng thăm được hốt hui, nhưng ông H không giao vàng cho vợ chồng ông T. Hội đồng xét xử xét thấy bà H là người giữ sổ hui do hui viên được hốt hui ký tên thừa nhận ngày ký vào sổ hui là ngày hốt hui, nhưng thực tế hui viên được hốt hui chưa nhận đủ vàng vì thời điểm này người được hốt có quyền thỏa thuận cho các hui viên khác nợ lại, nên việc ông H có ký vào sổ hui của bà H giữ có nội dung “Tôi Vũ Văn H có nhận số vàng chân hui chung đã đủ 11 chân hui mùa số 4” không được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án. Thực tế, bà H thừa nhận có nhận thay vàng của 03 người để chung hui cho ông H (trong đó có nhận của vợ chồng ông T) và bà H xác định ngày 24/02/2019 âm lịch bà N vợ ông T đưa cho bà H 04 chỉ vàng 24k để gửi chung hui cho ông H, đến ngày 25/02/2019 âm lịch bà H đến nhà ông H để giao lại 04 chỉ vàng 24k cho ông H trực tiếp nhận và vấn đề này ông H cũng đã thừa nhận ngày 25/02/2019 âm lịch thì ông H có nhận số vàng 04 chỉ vàng 24k bà H đưa, nhưng bà H không có nói là vàng của ai, nên có căn cứ xác định thực tế ông H nhận 04 chỉ vàng 24k là vàng của vợ chồng ông T nhờ bà H đưa cho ông H bởi lẽ bà H là người trực tiếp nhận thay và xác định là vàng của vợ chồng ông T nhờ đưa dùm, nên việc ông H không nhận được số vàng từ bà T nhờ bà H đưa cho ông H thì đó trách nhiệm giữa bà H với bà T nếu có phát sinh tranh chấp. Trong giao dịch hui thì ông H cũng thừa nhận là vợ chồng ông T đã được hốt hui và có căn cứ xác định ông H đã nhận đủ số vàng 04 chỉ vàng 24k từ vợ chồng ông T đưa, nên ông H phải có nghĩa vụ chung số vàng được hốt hui cho vợ chồng ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 04 chỉ vàng 24k là đúng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng giá trị vàng Tòa án buộc trả cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ. (Giá vàng được tính 5.540.000 đồng/01 vàng 24k để làm căn cứ tính án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019

của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn T. Buộc bị đơn Vũ Văn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Phạm Văn T 04 (bốn) chỉ vàng 24k.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Buộc bị đơn Vũ Văn H phải nộp là 1.108.000 đồng.

Nguyên đơn Phạm Văn T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 625.000 đồng theo biên lai thu số: 0004198 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải